

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN

CHỨC DANH: Phó Giáo sư

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên: Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Chính trị học; Chuyên ngành: Quan hệ quốc tế

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: Lê Đình Tĩnh

2. Ngày tháng năm sinh: 20/3/1976; Nam ; Nữ ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Phường Thạch Linh, Tp Hà Tĩnh, tỉnh Hà Tĩnh

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 411, Cầu thang 3, Chung cư Học viện Âm nhạc Quốc gia, 77 Hào Nam, phường Ô Chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ: P.2315, V1, Home City, 177 Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội.

Điện thoại di động: 0912 732 012; E-mail: tinhdl@dav.edu.vn / tinhiir@gmail.com

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ 1/2000 đến 7/2002: Nghiên cứu viên Ban Âu-Mỹ, Học viện Quan hệ Quốc tế.
- Từ 8/2002 đến 8/2004: Học chương trình Thạc sĩ Hành chính công tại Đại học Hawaii; nghiên cứu viên Trung tâm Đông Tây (East-West Center) – Hoa Kỳ
- Từ 9/2004 đến 3/2006: Nghiên cứu viên Ban Âu-Mỹ, sau đó Phó Chánh văn phòng, Học viện Quan hệ Quốc tế
- Từ 3/2006 đến 10/2011: Chuyên viên, Phòng Thư ký, Tập sự Phó Chánh văn Phòng, sau đó Phó Vụ trưởng, Phó Chánh Văn phòng, Bộ Ngoại giao

- Từ 10/2011 đến 11/2013: Phó Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược kiêm Phó Vụ trưởng Vụ Chính sách đối ngoại, Bộ Ngoại giao
- Từ 12/2013 đến 4/2017: Tham tán Chính trị tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ
- Từ 6/2017 đến 9/2018: Phó Viện trưởng, Viện Biển Đông, Học viện Ngoại giao
- Từ 9/2018 đến 7/2021: Phó Viện trưởng, sau đó Q. Viện trưởng và Viện trưởng, Viện Nghiên cứu Chiến lược; Thành viên Hội đồng Học viện Ngoại giao
- Từ 2/2020 đến 7/2021: Ủy viên thường trực Hội đồng Khoa học Bộ Ngoại giao

+ Chức vụ hiện nay: Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược, Học viện Ngoại giao.

+ Chức vụ cao nhất đã qua: Viện trưởng Viện Nghiên cứu Chiến lược, Học viện Ngoại giao, Ủy viên thường trực Hội đồng Khoa học Bộ Ngoại giao.

+ Cơ quan công tác hiện nay: Viện Nghiên cứu Chiến lược, Học viện Ngoại giao; Địa chỉ cơ quan: 69 Phố Chùa Láng, Đống Đa, Hà Nội; Điện thoại CQ: 024.3834 4540

+ Thỉnh giảng tại: Học viện Ngoại giao, Học viện Quốc tế

8. Đã nghỉ hưu: Chưa nghỉ hưu

Cơ sở giáo dục đại học hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối: Học viện Ngoại giao, Học viện Quốc tế

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 10 tháng 9 năm 1999; số văn bằng: B176496; ngành: Chính trị học, chuyên ngành: Quan hệ quốc tế; Nơi cấp bằng: Học viện Quan hệ Quốc tế, Việt Nam

- Được cấp bằng ThS ngày 15 tháng 8 năm 2004; ngành: Hành chính công; chuyên ngành: Hành chính công; Nơi cấp bằng ThS: Đại học Tổng hợp Hawaii, Hoa Kỳ

- Được cấp bằng TS ngày 05 tháng 11 năm 2013; số văn bằng: 002707; ngành: Chính trị học; chuyên ngành: Quan hệ quốc tế; Nơi cấp bằng TS: Học viện Ngoại giao, Việt Nam

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: Chưa

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS cơ sở: Học viện Ngoại giao

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh PGS tại HDGS ngành, liên ngành: Triết học – Xã hội học – Chính trị học

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Hoạt động nghiên cứu khoa học của tôi tập trung chủ yếu vào các lĩnh vực có mối liên hệ chặt chẽ với nhau, trên nền tảng kiến thức chung về quan hệ quốc tế, chính sách đối ngoại, liên quan trực tiếp đến công việc của tôi, đó là: i) nghiên cứu Mỹ với trọng tâm là nghiên cứu chính sách đối ngoại, bao gồm chính sách đối với Việt Nam;

ii) nghiên cứu quan hệ quốc tế từ góc nhìn lý thuyết và thực tiễn, nhất là tại khu vực Đông Nam Á và trên một số vấn đề (Biển Đông, an ninh nguồn nước Mê Công...) có tác động đến chính sách của Mỹ và môi trường chiến lược của Việt Nam và; iii) nghiên cứu chính sách và quan hệ đối ngoại của Việt Nam.

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) **01 NCS** bảo vệ thành công luận án TS.
- Đã hướng dẫn (số lượng) **04 HVCH** bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ.
- Đã Chủ nhiệm **03 đề tài KH&CN** cấp Bộ độc lập, **01 đề tài KH&CN cấp Bộ thuộc chương trình** và tham gia 14 đề tài NCKH khác, trong đó có 01 đề tài KH&CN trọng điểm cấp Bộ, 01 đề tài KH&CN cấp Bộ thuộc chương trình, 06 đề tài KH&CN cấp Bộ độc lập và 06 đề tài KH&CN cấp Cơ sở độc lập.
- Đã công bố (số lượng) **38** bài báo khoa học (gồm 9 bài quốc tế và 29 bài trong nước), trong đó **02** bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín.
- Số lượng sách đã xuất bản: **01**, tại nhà xuất bản trong nước (sách chuyên khảo).
- Số lượng chương sách xuất bản quốc tế: **03**, tại các nhà xuất bản có uy tín
- Số lượng chương sách xuất bản trong nước: **05**
- Giải thưởng quốc gia, quốc tế: **01** giải quốc gia

15. Khen thưởng: Bằng khen Thủ tướng 2011, Bằng khen Bộ trưởng Bộ Ngoại giao các năm 2011, 2016, 2018, 2019, Chiến sĩ thi đua cấp Bộ năm 2010.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

Tự đánh giá, tôi cho rằng bản thân đã hoàn thành, đáp ứng tốt công việc của một nhà nghiên cứu và nhà giáo, thể hiện ở các mặt sau:

- Nghiêm chỉnh chấp hành đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và các quy định của cơ quan nơi công tác; tham gia đóng góp xây dựng và triển khai chính sách đối ngoại của Việt Nam.
- Có lối sống giản dị, chân thành, thẳng thắn và trách nhiệm; có quan hệ công tác tích cực, ứng xử đúng mực với các đồng nghiệp, học viên, sinh viên.
- Tích cực trong công tác chuyên môn, đóng góp vào công tác nghiên cứu, giảng dạy, tham mưu chính sách thể hiện qua các mặt sau: i) Giáo viên thỉnh giảng tại các lớp cử nhân và cao học, lớp liên kết (Đại học Victoria –New Zealand) tại Học viện Ngoại giao và tham gia giảng dạy tại một số cơ sở đào tạo khác; luôn nỗ lực đầu tư và chuẩn bị kỹ lưỡng bài giảng, hoàn thành tốt các nhiệm vụ đào tạo; ii) Tham gia Hội đồng đánh giá luận án tiến sĩ, chấm luận văn tốt nghiệp cao học, đại học, hướng dẫn luận án cho nghiên cứu sinh, luận văn cao học và khóa luận trình độ cử nhân, góp ý xây dựng chương trình đào tạo bậc đại học và thạc sỹ; iii) Chủ nhiệm và thành viên/thư ký của 18 đề tài cấp Bộ, cấp Bộ trọng điểm, cấp Cơ sở và nhiều chuyên đề nghiên cứu độc lập; chủ biên 01 sách chuyên khảo và tham gia viết một số sách giáo trình, chuyên khảo, tham khảo; iv) Tích cực tham gia kết nối, hình thành mạng lưới nghiên cứu về các vấn đề quốc tế với các cơ quan nghiên cứu, tham mưu chính sách quan trọng trong

nước, là thành viên Hội đồng biên tập Tạp chí Nghiên cứu Đông Nam Á; thành viên Hội đồng khoa học Viện Kinh tế và Chính trị thế giới; v) Công bố bài báo khoa học trên tạp chí nghiên cứu trong nước và quốc tế; báo cáo viên (của Ban Tuyên giáo Trung ương, Bộ Ngoại giao), trả lời phỏng vấn các phương tiện thông tin đại chúng trong nước và quốc tế, tham gia huấn luyện quân sự (Bộ Quốc phòng), nói chuyện thời sự tại nhiều Bộ, ngành, địa phương; vi) Tích cực tham gia thúc đẩy việc phối hợp nghiên cứu, tổ chức và tham gia hội thảo khoa học với nhiều viện và trung tâm uy tín trong khu vực và trên thế giới; vii) Tham gia một số cơ chế tư vấn, tham mưu như Hội đồng Khoa học Bộ Ngoại giao, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Học viện Ngoại giao, Hội đồng Tư vấn Đối ngoại và Kiềm bào – Trung ương Mặt trận tổ quốc, hội đồng xét duyệt đề tài tại Bộ Ngoại giao, Hội đồng Khoa học các cơ quan Đảng Trung ương, tham gia xây dựng một số văn bản chiến lược, chính sách, gần đây nhất là Tổ giúp việc Tiểu ban Văn kiện Đại hội XIII.

Đánh giá chung, trong các công việc, tôi luôn nỗ lực hoàn thành nhiệm vụ, vận dụng các phương pháp phù hợp để truyền thụ kiến thức đã trau dồi và tích lũy từ nghiên cứu vào công tác giảng dạy. Hướng công tác chính là vừa nghiên cứu vừa giảng dạy, tham mưu chính sách, đồng thời tích cực phổ biến, góp phần nâng cao dân trí trong các vấn đề đối ngoại và chính trị quốc tế.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 11 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đồ án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức ^(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2011-2012				3	90 (tiếng Anh)		90/165/135
2	2012-2013				3	30 45		75/150/135
3	2017-2018			1		58 (tiếng Anh) 03 45	67	173/243/135
03 năm học cuối								
4	2018-2019				3	30 60 03 03(tiếng Anh)		96/171/135

5	2019-2020			3	3	3	90	93/378/135
6	2020-2021	1				03	67 90	160/360/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Hoàn thành chương trình Thạc sỹ tại Hoa Kỳ và tham gia nghiên cứu tại East-West Center từ năm 2002 đến năm 2004

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Được đào tạo trình độ cử nhân tại Học viện Ngoại giao với tiếng Anh là ngôn ngữ chính; Năm cấp bằng 1999 (số văn bằng: B176496) và được cấp chứng chỉ tiếng Anh loại giỏi (số chứng chỉ: 301/ĐT)

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ: tiếng Anh

- Nơi giảng dạy: Chương trình liên kết ĐH Victoria (New Zealand), tiếng Anh chuyên ngành Quan hệ quốc tế - Học viện Ngoại giao.

d) Đối tượng khác ;

- Công tác tại Đại sứ quán Việt Nam tại Hoa Kỳ (12/2013 - 4/2017).

- Thường xuyên tham gia, chủ trì tọa đàm, hội thảo quốc tế bằng tiếng Anh.

- Xuất bản 9 bài báo khoa học, 03 chương sách và 16 bài phân tích, bình luận trên các trang quốc tế như The Diplomat, CSIS-CogitAsia, East Asia Forum, Interpreter...

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ D Bộ Ngoại giao (Số 751/2013/CCNN).

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/CK2/BSNT	Chính	Phụ			
I. Nghiên cứu sinh								
1	Phạm Minh Thu	X		X		2018-2021	HVNG	29/7/2021, số 489/QĐ-HVNG
II. Học viên cao học								
1	Đoàn Thị Huệ		X	X		2017-2018	HVNG	15/11/2018, số 1056/QĐ-HVNG
2	Lê Minh Hiếu		X	X		2019-2020	HVNG	24/11/2020, số 1199/QĐ-HVNG
3	Nguyễn Đăng Hoàng		X	X		2019-2020	HVNG	24/11/2020, số 1199/QĐ-HVNG
4	Phạm Diệp Linh		X	X		2019-2020	HVNG	24/11/2020, số 1199/QĐ-HVNG

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I Trước khi bảo vệ Luận án Tiến sỹ							
1	Hoa Kỳ: Văn hóa và chính sách đối ngoại	CK	NXB Tri Thức, Hà Nội, 2008; Xác nhận đăng	2	Nguyễn Thái Yên Hương	Tác giả chương 3: Yếu tố văn	

			ký xuất bản: 1133- 2008/CXB/4- 182/ThG			hóa và chính sách của Mỹ qua một số vấn đề (tr. 196-285); đồng tác giả chương 2: Vai trò của Văn hóa trong chính sách đối ngoại Mỹ (tr. 130-195); và tham gia viết Lời giới thiệu và Kết luận	Học viện Ngoại giao (số 554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm 2021
2	Quan hệ Việt Nam – Hoa Kỳ hướng về phía trước	TK	NXB <i>Tri Thức</i> , Hà Nội, 2007; Xác nhận đăng ký xuất bản: 885-2008/CXB/05-33/TrT	20	Nguyễn Mai	Đồng tác giả chương 3 (tr. 175-265)	Học viện Ngoại giao (số 554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm 2021
3	ASEAN-Korea Relations Security, Trade and Community Building	TK	<i>ISEAS Publishing</i> , 2007; ISBN: 978-981-230-406-3 (Sách thuộc danh mục Scopus)	11	Ho Khai Leong	Tác giả Chương 8: ASEAN-Korea Co-operation in the Development of New ASEAN Members (tr.103-110)	Học viện Ngoại giao (số 554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm 2021
4	Về chiến lược an ninh của Mỹ hiện nay	TK	<i>Chính trị Quốc gia</i> , Hà Nội, 2004; Xác nhận đăng ký xuất bản: 85-472/CXB-QLXB	3	Lê Linh Lan	Đồng tác giả	Học viện Ngoại giao (số 554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm 2021
5	Từ điển Thuật ngữ Ngoại giao Việt-Anh-Pháp	TK	NXB <i>Thế giới</i> , Hà Nội, 2002; Xác nhận đăng	13	Dương Văn	Tham gia biên soạn	Học viện Ngoại giao (số

			ký xuất bản: 10-1523/XB-QLXB.		Quảng và Vũ Dương Huân		554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm 2021
6	Ngoại giao Việt Nam hiện đại vì sự nghiệp đổi mới (1975-2002)	GT	Học viện Quan hệ Quốc tế, 2002; Xác nhận đăng ký xuất bản: 39/QĐ-CXB	13	Vũ Dương Huân	Đồng tác giả chương: Quan hệ Việt Nam với Hoa Kỳ, Canada (tr. 336-380).	Học viện Ngoại giao (số 554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm 2021
II Sau khi bảo vệ Luận án Tiến sỹ							
7	Chính sách đối ngoại Mỹ: Tiếp cận từ Thuyết hiện thực mới và trường hợp Việt Nam sau khi bình thường hóa quan hệ đến nay	CK	NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật, Hà Nội, 2020; ISBN: 978-604-57-5810-6; Xác nhận đăng ký xuất bản: 4854-2020/CXBIPH/9-347/CTQG	1	Lê Đình Tĩnh	Sách viết một mình	Học viện Ngoại giao (số 554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm 2021; Học viện Quốc tế (số 944/B06-LT&TV)
8	Southeast Asia Affairs 2019	TK	<i>ISEAS Publishing</i> , Singapore, 2019; ISBN: 978-981-4843-15-7	31	Daljit Singh & Malcolm Cook	Đồng tác giả (tác giả thứ 2) chương Vietnam: Vietnam and Mekong Cooperative Mechanisms (tr.395-411)	Học viện Quốc tế (số 944/B06-LT&TV) ngày 12 tháng 7 năm 2021
9	Non-traditional Security Challenges in Asia: Approach and Responses	TK	<i>Routledge</i> , New Delhi-London-New York, 2015, Print-ISBN: 978-1-138-89253-8; e-book. 2017, e-ISBN:	18	Shebothi Ray Dadwal & Uttam Kumar Sinha	Tác giả chương 8: Enhancing Water Security in Southeast Asia: The	Học viện Ngoại giao (số 554/HVNG) ngày 9 tháng 7 năm

		9781351556187 (Sách thuộc danh mục Scopus)		Case of the Mekong River (tr. 175-201)	2021
--	--	---	--	--	------

Trong đó: **01** sách chuyên khảo làm chủ biên do Nxb có uy tín xuất bản (*Nxb Chính trị Quốc gia-Sự thật*) và **03** chương sách do các nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản (2 chương *ISEAS Publishing*, 01 chương *Routledge*).

Lưu ý:

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có)).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang... đến trang...

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu: 18 đề tài, trong đó có các đề tài làm chủ nhiệm và thư ký như sau:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, CN/PCN/TKĐT...)		Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi bảo vệ luận TS				
1	Hợp tác Mỹ-Mekong: Tác động đối với Việt Nam và một số kiến nghị chính sách	CN	11-2010/CNKQNC Cấp Bộ	2010	13/12/2010 Xuất sắc
2	Chính sách ngoại giao kinh tế của Trung Quốc kể từ cải cách, mở cửa	TK	04-09/HĐKH, Cấp Bộ	2009	01/12/2009 Xuất sắc
3	Chính sách ngoại giao văn hóa của Trung Quốc kể từ cải cách, mở cửa	TK	05-08/HĐKH, Cấp Bộ	2008	17/10/2008 Xuất sắc
II	Sau khi bảo vệ luận án TS				
4	Ngoại giao Việt Nam trong kỷ nguyên số: Lý luận và thực tiễn	CN	09-20/HĐKH, Cấp Bộ	2020	03/11/2020 Xuất sắc
5	Chiến lược Đối ngoại của Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045	TK	08-20/HĐKH, Trọng điểm Cấp Bộ	2020	18/12/2020 Xuất sắc

6	Chiến lược Ấn Độ - Thái Bình Dương Tự do và Rộng mở: Tác động đối với khu vực và kiến nghị đối sách cho Việt Nam	CN	02-19/HĐKH, Cấp Bộ	2019	28/11/2019 Xuất sắc
7	Biến đổi khí hậu: Các tác động đối với an ninh, phát triển của Việt Nam và kiến nghị chính sách trên phương diện ngoại giao	CN	12-13/HĐKH, Cấp Bộ	2013	15/11/2013 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tạp, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi bảo vệ luận án Tiến sỹ (xếp theo thứ tự từ bài trong nước đến bài quốc tế, từ mới tới cũ)							
<i>Bài đăng trong nước</i>								
1	Đông Nam Á và Chiến lược Tái cân bằng của Mỹ	2	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			Số 3 (94), 147-180	9/2013
2	Chiến lược “tái cân bằng” của Mỹ: Một năm nhìn lại	2		<i>Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN 0868-3654			Số 1 (178), 32-42	01/2013
3	Quan hệ Mỹ-Trung: Yếu tố ý thức hệ, lợi ích quốc gia và tương quan so sánh lực lượng	1	X	<i>Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN 0868-3654			12 (177), 8-17	12/2012

4	Thử tiếp cận hệ thống đối với chính sách đối ngoại Mỹ dưới chính quyền Obama	1	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			Số 3 (90), 107-130	9/2012
5	Chính sách đối ngoại Mỹ kể từ khi Chiến tranh lạnh kết thúc: Hướng tiếp cận và một số vấn đề lý thuyết	1	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			Số 4 (87), 65-97	12/2011
6	Hợp tác Mỹ-Hạ nguồn sông Mê Công: Vượt trên cân bằng quyền lực truyền thống	1	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			Số 2 (85), 57-76	6/2011
7	Vài nét về nguồn gốc và sự phát triển của các tổ chức phi chính phủ ở Mỹ	2	X	<i>Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN 0868-3654			Số 8 (89), 37-42	8/2005
8	Changes in US Defense Posture in East Asia-Pacific: Security by Other means	1	X	<i>International Studies</i> ISSN 0868-2941			No. 17, 49-58	12/2005
9	US-Southeast Asian Security Relationship Revisited	1	X	<i>International Studies</i> ISSN 0868-2941			No. 16, 70-80	6/2005
10	Các thách thức phi đối xứng trong chiến lược an ninh quốc gia Mỹ: Nhận thức và đối phó	1	X	<i>Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN 0868-3654			Số 3 (84), 3-10	3/2005
11	Understanding American Conduct: Is Neo-realism a tool of foreign policy analysis?	1	X	<i>International Studies</i> ISSN 0868-2941			No. 15, 73-80	12/2004

12	Vài suy nghĩ về triển vọng chính sách Châu Á-Thái Bình Dương của chính quyền Bush	1	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 0868-2941			Số 1 (38), 24-32	3/2001
<i>Bài đăng quốc tế</i>								
13	Troubled Waters: Seeking Co-operation Along the Mekong	1	X	<i>Global Asia</i> ISSN 1976-068X			Vol. 7, No. 3, 95-99	9/2012
14	Making elephants lighter on their feet	2	X	<i>The World Today</i> ISSN 0043-9134			Vol. 68 No.3, 21	4/2012
II	Sau khi bảo vệ luận án Tiến sỹ <i>(xếp theo thứ tự từ bài trong nước đến bài quốc tế, mới tới cũ, sau cùng là kỷ yếu)</i>							
<i>Bài đăng trong nước</i>								
15	Hoạch định chiến lược đối ngoại vì mục tiêu phát triển, an ninh và nâng cao vị thế Việt Nam từ nay đến 2030, tầm nhìn 2045	1	X	<i>Tạp chí Cộng sản</i> ISSN 2734-9063			Số 964, 92-98	4/2021
16	Tìm hiểu ngoại giao số: Khái niệm và những phân tích ban đầu	2	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			Số 4 (123), 137-160	12/2020
17	Tác động của cạnh tranh Mỹ-Trung tới Đông Nam Á hậu Covid-19	1	X	<i>Nghiên cứu Đông Nam Á</i> ISSN 0868-2739			Số 11 (248), 3-13	11/2020
18	Hoạch định chiến lược đối ngoại: Lý thuyết, thực tiễn và hàm ý nghiên cứu cho Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng	2		<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			Số 3 (122), 15- 46	9/2020

19	Tiếp cận khái niệm “địa - chiến lược” trong bối cảnh mới: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam đến năm 2030	1	X	<i>Tạp chí Cộng sản</i> ISSN 2734-9063		Số 949, 97-105	9/2020
20	Cạnh tranh Mỹ - Trung: Tiếp cận bản chất và thực tiễn.	2	X	<i>Châu Mỹ ngày nay</i> ISSN 2354-0745		Số 3 (264), 15-23	3/2020
21	Hiệp định EVFTA từ góc nhìn chiến lược	2	X	<i>Tạp chí Cộng sản</i> ISSN 2734-9071		(online) 14/3/2020	3/2020
22	Khái niệm cường quốc tầm trung và liên hệ với Việt Nam	2	X	<i>Lý luận Chính trị</i> (Học viện CTQG Hồ Chí Minh) ISSN 2525-2585		Số 3, 123-128	3/2020
23	Cạnh tranh Mỹ-Trung và tác động đối với cục diện khu vực: Hàm ý chính sách cho Việt Nam	X	X	<i>Tạp chí Cộng sản</i> ISSN 2734-9036		Số 936, 94-101	02/2020
24	Thế giới với những chuyển động lớn và đối sách của Việt Nam	1	X	<i>Xây dựng Đảng</i> ISSN 1859-0829		Số 1+2, 127-129, 132	02/2020
25	Khái luận về chiến lược đối ngoại	3	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608		Số 3 (118), 199-223	9/2019
26	Current Global Situation and Predictions for next five years	1	X	<i>Security Science and Education Review</i> ISSN 1859-4778		No. 9, 3-10	9/2019
27	Bức tranh chính trị thế giới 2018	1	X	<i>Tạp chí Đối ngoại</i> ISSN 1859-2899		Số 111+ 112, 44-50	02/2019

28	Mục tiêu cường quốc tầm trung và viễn cảnh ngoại giao Việt Nam sau năm 2030	1	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			2 (113), 22-53	6/2018
29	Chiến dịch “Cánh Ô-liu” của Thổ Nhĩ Kỳ và dư luận quốc tế	1	X	<i>Quốc phòng toàn dân</i> ISSN 0866-7527			Số 4, 53-55	4/2018
30	Bàn về tư duy chiến lược: Lý thuyết, thực tiễn và trường hợp Việt Nam	1	X	<i>Nghiên cứu Quốc tế</i> ISSN 1859-0608			Số 4 (111), 7-35	12/2017
<i>Bài đăng quốc tế</i>								
31	A Multi-level Approach to Vietnam Foreign Policy: From Security Preoccupation to Middle Power Role	1	X	<i>Strategic Analysis</i> Online- ISSN: 1754-0054 Print-ISSN: 0970-0161 DOI: 10.1080/09700161.2021.1938942	SCOPUS CiteScore : 0.8 (2020)		Online version 6/2021 Printed version Vol.45, No. 4, 321-335	6/2021
32	The events of 1978 in Vietnamese Diplomacy: Analyses and Lessons for Today’s Small to Medium-sized countries	2	X	<i>Asian Affairs</i> ISSN 0306-8374 e-ISSN 1477-1500 DOI: 10.1080/03068374.2021.1907980	SCOPUS CiteScore : 0.9 (2020)		Vol. 52, No. 2, 426-439	5/2021
33	Rivalry and Response: Assessing Great Power Dynamics	1	X	<i>Contemporary Southeast Asia</i> (ISI, SCOPUS) Print-ISSN 0129-	SCOPUS CiteScore: 1.9 (2020) JCR		Vol. 43, No. 1, 222-224	4/2021

	in Southeast Asia. Edited by Jonathan Stromseth. Washington DC. 2021, Book Review			797X print e-ISSN 1793-284X	Journal Impact Factor: 1.3 (2020)			
34	Vietnam marine economy strategy until 2030, with a vision until 2045: An Analysis	1	X	<i>Russian Journal of Vietnamese Studies</i> ISSN 2618-9453 DOI:10.24411/2618-9453-2021-10001	ESCI, WEB OF SCIENCE		Series 2, No. 1, 7-29	3/2021
35	Boosting US-Vietnam relations: The Agent Orange issue	1	X	<i>Perspective</i> ISSN 2335-6677			Số 90, 1-7	8/2020
36	Vietnam as an emerging middle power toward 2030 and beyond	1	X	<i>Russian Journal of Vietnamese Studies</i> ISSN 2618-9453 DOI:10.24411/2618-9453-2019-10023	ESCI, WEB OF SCIENCE		2 (3), 7-17	9/2019
<i>Kỷ yếu hội thảo</i>								
37	Trends and Trenches in the Indo-Pacific: A Southeast Asian View	1	X	Kỷ yếu hội thảo quốc tế <i>CSCAP Regional Security Outlook 2020</i> ISBN: 978-0-642-60698-3 Đại học Quốc gia Úc			56-59	12/2019
38	Using diplomatic measure in the	2		Kỷ yếu hội thảo quốc tế			603-617	10/2019

	protection of Vietnam maritime sovereignty			<i>Diplomatic Measures in national security protection</i> ISBN: 978-604-57-5107-7 Học viện An ninh				
--	--	--	--	---	--	--	--	--

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: **02 bài theo số thứ tự 31, 32.**

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (*Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg*)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1							
2							
...							

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà UV là tác giả chính sau PGS/TS:

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1					

2					
---	--	--	--	--	--

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Giải nhì Giải Ngọn lửa cho bài báo “Tiếp cận khái niệm “địa - chiến lược” trong bối cảnh mới: Cơ hội và thách thức đối với Việt Nam đến năm 2030” (<i>Tạp chí Cộng sản</i> , số 949, tháng 9/2020).	<i>Tạp chí Cộng sản</i>	1579-QĐ/TCCS, ngày 15/01/2021	Quốc gia	01

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1						
2						

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng): **Đủ**

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Đủ**

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu): **Đủ**

Ban hành kèm theo Công văn số: 32 /HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: **02 CTKH**

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: Chương sách “Enhancing Water Security in Southeast Asia: The Case of the Mekong River” (pp. 175-201) trong Shebonti Ray Dadwal, Uttam Kumar Sinha (Eds). *Non-Traditional Security Challenges in Asia Approaches and Responses*. London: Routledge. 2015. Print: ISBN: 978-1-138-89253-8; eBook, 2017. E-ISBN: 9781351556187, **thuộc danh mục Scopus Book 2015-2021**, dòng 131662 trong file tải tại trang scopus.com.

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

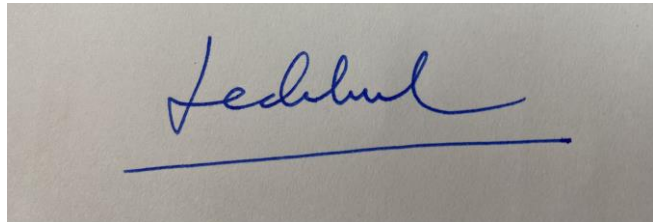
C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 28 tháng 7 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

(Ký và ghi rõ họ tên)



Lê Đình Tĩnh